

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/DS-ST
Ngày: 24/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải.

Ông Đặng Song Hoàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Và các ngày 17 và ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 789/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐ-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Địa chỉ trụ sở chính số D và số D, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch HĐQT (Vắng mặt).

- **Người đại diện theo uỷ quyền:**

+ Bà Lê Thị Thủy N. Chức vụ: Giám đốc Phòng G (Vắng mặt).

Địa chỉ số C, đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Theo Văn bản uỷ quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/5/2024 của Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng Thương mại cổ phần P);

+ Ông Tưởng Anh T1, sinh năm 1983. Chức vụ: Chuyên viên chính Thu hồi nợ - Phòng thu hồi nợ (Có mặt).

Địa chỉ số A, đường L, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Theo Văn bản uỷ quyền số 68/2024/UQ-OCB ngày 06/8/2024)

* **Bị đơn:** Ông Trịnh Đình T2, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ số B, đường L, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Anh T1 trình bày:

Ngân hàng TMCP P (Gọi tắt là Ngân hàng O) và ông Trịnh Đình T2 đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

1.1. Ngày 13/07/2021, Ngân hàng O và ông T2 ký kết các hợp đồng tín dụng số 0108/2021/HĐTD-OCB-CN, theo đó hai bên thỏa thuận các nội dung, Ngân hàng cho ông T2 vay số tiền 900.000.000đồng (Chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay là 96 tháng; Lãi suất vay là 7,7%/năm. Từ tháng 13 trở đi lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (kỳ điều chỉnh đầu tiên là ngày 13/7/2022); Mục đích để mua xe ô tô; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Cùng ngày, Ngân hàng O đã giải ngân cho số tiền trên cho ông T2 theo Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0108.01/2021/KUNN-OCB-CN.

Để đảm bảo khoản vay nợ, hai bên ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0108/2021/HĐTC-OCB-CN ngày 13/7/2021, theo đó, ông T2 thế chấp xe ô tô có Giấy đăng ký xe ô tô số 72008147 do Phòng C-Công an tỉnh B cấp ngày 12/7/2021, nhãn hiệu Hyundai, số loại Santafe, loại xe ô tô con; số máy G4KMMA917545, số khung RLUSW81KDMN025143. Ngày 13/7/2021, Ngân hàng đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Đà Nẵng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ khi giải ngân đến ngày 30/12/2024, ông T2 đã thanh toán được cho ngân hàng là 573.888.114đồng, trong đó trả gốc là 321.248.048đồng, trả nợ các loại lãi là 252.640.066đồng.

Số tiền nợ gốc còn lại là 578.751.952đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 72.045.173 đồng;

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T2 trả nợ theo Hợp đồng tín dụng này tổng số tiền 650.797.125đồng, nợ gốc là 578.751.952đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 72.045.173 đồng.

Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0108/2021/HĐTC-OCB-CN ngày 13/7/2021.

1.2. Ngày 14/5/2022, Ngân hàng và ông T2 ký hợp đồng mở thẻ tín dụng, theo đó, Ngân hàng mở cho ông T2 04 thẻ tín dụng, hạn mức cấp tín dụng là 40.000.000đồng cho cả 04 thẻ. Tuy nhiên, ông T2 không sử dụng 03 thẻ mà chỉ sử dụng 01 thẻ số 970448xxxxxx6633, loại OCB Mastercard Lifestyle.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng này, ông T2 đã rút tổng số tiền là 41.672.076đồng và đã trả cho Ngân hàng 3.912.270đồng. Ông T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 20/12/2024, Ngân hàng đã chuyển dư nợ gốc 39.800.000đồng sang nợ quá hạn. Từ 20/12/2024 đến 17/4/2025, số tiền ông T2 chưa thanh toán là 15.048.519 đồng và nợ phí 1.457.238 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T2 trả nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng này với tổng số tiền 56.305.757đồng, trong đó, nợ gốc 39.800.000đồng; Nợ quá hạn tạm tính đến 17/4/2025 là 15.048.519 đồng và nợ phí 1.457.238 đồng.

1.3. Kể từ ngày 31/12/2025 đến nay, mặc dù đã được Ngân hàng O nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng ông T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ theo thỏa thuận tại 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, do vậy, Ngân hàng O khởi kiện ông T2 yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc ông T2 phải trả theo 02 hợp đồng tín dụng, với tổng số tiền là 707.102.882đồng, trong đó, nợ gốc là 618.551.952đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 87.093.692đồng và nợ phí là 1.457.238 đồng;

- Buộc ông T2 còn phải trả các loại lãi, phí phát sinh từ ngày 18/4/2025 cho đến khi trả hết các khoản nợ nêu trên.

2. Bị đơn ông *Trịnh Đình T2*: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T2 vẫn vắng mặt không lý do.

3. *Tại phiên tòa*: Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác nhận vẫn giữ nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

4. *Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến*: Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn trong hồ sơ và tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu toàn bộ cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 13/7/2021 và ngày 14/5/2022, Ngân hàng TMCP P và ông *Trịnh Đình T2* ký 02 Hợp đồng tín dụng vay tiền, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng O khởi kiện buộc ông T2 trả nợ trước thời hạn, do đó, Hội đồng xét xử xác định, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Tại thời điểm ký kết 02 hợp đồng, ông T2 cung cấp địa chỉ cư trú trong 02 Hợp đồng tín dụng là số 213/15, đường L, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại thời điểm ký kết 02 hợp đồng tín dụng, bị đơn ông T2 cung cấp địa chỉ cư trú tại số B, đường L, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Bút lục số 79 đến số 91). Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án, bị đơn thay đổi địa chỉ không thông báo cho nguyên đơn biết, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xác định, bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường nơi địa chỉ bị đơn cung cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng để xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn.

[2.1]. Về nợ gốc:

- Theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0108/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 13/07/2021, Ngân hàng O đã giải ngân cho ông T2 vay 900.000.000đồng theo Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0108.01/2021/KUNN-OCB-CN. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 trả được tổng số tiền là 573.888.114đồng, trong đó trả nợ gốc là 321.248.048đồng (Bút lục số 159, 160 và số 161). Đến nay, ông T2 vẫn chưa thanh toán thêm khoản tiền nợ gốc nào nên số tiền nợ gốc chưa trả là 578.751.952đồng (900.000.000đồng-321.248.048đồng).

- Đối với Hợp đồng mở thẻ tín dụng, ngày 14/5/2022, hai bên thoả thuận Ngân hàng mở cho ông T2 04 thẻ tín dụng. Tuy nhiên, quá trình sử dụng, ông T2 chỉ sử dụng 01 thẻ tín dụng số 970448xxxxxx6633, loại OCB Mastercard Lifestyle, do đó, số nợ chỉ phát sinh đối với thẻ tín dụng số 970448xxxxxx6633. Do ông T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 20/12/2024, Ngân hàng đã chuyển hết dư nợ trong thẻ sang nợ gốc là 39.800.000đồng. Đến nay, ông T2 vẫn chưa thanh toán thêm khoản nợ gốc nào nên nợ gốc của thẻ 970448xxxxxx6633 là 39.800.000đồng (Bút lục số 155 và số 156).

Hội đồng xét xử xét, số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng đến nay ông T2 chưa trả thêm khoản nào nên Ngân hàng yêu cầu ông T2 phải trả là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông T2 phải trả tổng số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng là 618.551.952đồng (578.751.952đồng+ là 39.800.000 đồng).

[2.2]. Về nợ lãi:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 0108/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 13/07/2021, hai bên thoả thuận, lãi suất vay 12 tháng đầu là 7,7%; Từ ngày 13/7/2022 lãi suất vay điều chỉnh 06 tháng/lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 31/12/2024, ông T2 đã trả tổng số tiền lãi là 252.640.066đồng. Tiền lãi phát sinh đến ngày 17/4/2025, ông T2 chưa trả là 72.045.173đồng (Bút lục số 159, 160 và số 161).

- Đối với thẻ tín dụng số 970448xxxxxx6633, tổng số tiền lãi quá hạn và phí phát sinh tạm tính đến ngày 17/4/2025, ông T2 chưa trả là 16.505.757đồng, gồm lãi quá hạn là 15.048.519đồng và nợ phí 1.457.238đồng (Bút lục số 155 và số 156).

Hội đồng xét xử xét, tổng số tiền nợ lãi phát sinh của 02 hợp đồng tín dụng, ông T2 chưa trả nên Ngân hàng yêu cầu ông T2 phải trả là có cơ sở, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông T2 phải trả tổng số tiền nợ lãi phát sinh của 02 hợp đồng tín dụng từ ngày 31/12/2024 đến ngày 17/4/2025, với tổng số tiền là 88.550.930đồng (72.045.173đồng + 15.048.519đồng + 1.457.238 đồng).

[3]. Từ phân tích tại phần [2.1] và phần [2.2], Hội đồng xét xử xét, quá trình thực hiện 02 hợp đồng tín dụng, do ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi, từ ngày 31/12/2024 đến nay, ông T2 không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên nên Ngân hàng đã khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong 02 Hợp đồng là phù hợp với các Điều 91, 94, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng và các Điều 280, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền là 707.102.882đồng, trong đó, nợ gốc là 618.551.952đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 87.093.692đồng và nợ phí là 1.457.238 đồng;

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh tính từ ngày 18/4/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 94 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

[1]. Buộc ông Trịnh Đình T2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền còn nợ theo 02 Hợp đồng tín dụng là 707.102.882đồng (Bảy trăm lẻ bảy

triệu, một trăm lẻ hai ngàn, tám trăm tám mươi hai đồng), trong đó, nợ gốc là 618.551.952 đồng (Sáu trăm mười tám triệu, năm trăm năm mươi một ngàn, chín trăm năm mươi hai đồng); Nợ lãi tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 87.093.692 đồng (T3 mươi bảy triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, sáu trăm chín mươi hai đồng) và nợ phí là 1.457.238 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, hai trăm ba mươi tám đồng), trong đó:

- Trả theo Hợp đồng tín dụng số 0108/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 13/07/2021, với tổng số tiền là 650.797.125 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng), trong đó, nợ gốc là 578.751.952 đồng (Năm trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn, chín trăm năm mươi hai đồng); Nợ lãi tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 72.045.173 đồng (Bảy mươi hai triệu, không trăm bốn mươi lăm ngàn, một trăm bảy mươi ba đồng).

- Trả theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 970448xxxxxx6633, loại OCB Mastercard Lifestyle ngày 14/5/2022, với tổng số tiền là 56.305.757 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm linh năm ngàn, bảy trăm năm bảy đồng), trong đó, nợ gốc 39.800.000 đồng (Ba mươi chín triệu, tám trăm ngàn đồng); Nợ quá hạn tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 15.048.519 đồng (Mười lăm triệu, không trăm bốn tám ngàn, năm trăm mười chín đồng) và nợ phí là 1.457.238 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi bảy ngàn, hai trăm ba mươi tám đồng).

[2]. Buộc ông T2 còn phải trả tiền lãi các loại, phí phát sinh theo thỏa thuận tại 02 Hợp đồng tín dụng, tính từ ngày 18/4/2025 cho đến khi trả hết các khoản nợ nêu trên.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trịnh Đình T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 32.284.115 đồng (Ba mươi hai triệu, hai trăm tám mươi bốn ngàn, một trăm mười lăm đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP P theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004499 ngày 22/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thế Dũng